

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/DS-ST

Ngày: 22-9-2025.

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ
2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-An Giang: Vụ án không thuộc trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2025/TLST- DS, ngày 22 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-DS, ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1995 – Chủ hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Quốc H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2025 (có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (vợ ông V, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Quốc H đều trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn nên Hộ kinh doanh Tân Thành C (do ông Nguyễn Minh

T làm chủ) có bán thức ăn và các loại thuốc thủy sản cho ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Thị N theo đơn đặt hàng của ông V, bà N để phục vụ mục đích nuôi tôm của gia đình ông V, bà N. Ngày 14/7/2021 vợ chồng ông V, bà N bắt đầu lấy thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T1 do ông Nguyễn Minh T làm chủ. Đến ngày 02/2/2023 hai bên ký hợp đồng mua bán và xác định lại công nợ còn lại tính đến thời điểm ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Hộ kinh doanh Tân Thành C đã giao thức ăn và các loại thuốc thủy sản theo đơn đặt hàng của ông V, bà N. Đến khi thu hoạch tôm thì vợ chồng ông V, bà N không thanh toán nợ cho ông T theo thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy ông T đã chấm dứt hợp đồng ngừng cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông V, bà N. Từ khi ngừng giao dịch đến nay ông T đã nhiều lần cho nhân viên xuống nhà ông V, bà N yêu cầu thanh toán dứt điểm số nợ còn thiếu nhưng ông V và bà N vẫn không thanh toán nợ cho ông T.

Nay ông Nguyễn Minh T (chủ hộ Kinh doanh T1) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số nợ gốc còn thiếu là 209.168.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày giao dịch cuối cùng 18/6/2023 đến ngày 11/6/2025 là $209.168.000đ \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}$) là 41.319.047 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 250.487.047 đồng (hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán dứt số nợ trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N thừa nhận trước đây vợ chồng bà N, ông V có mua thức ăn nuôi tôm tại Hộ Kinh doanh Tân Thành C (do ông Nguyễn Minh T làm chủ) và còn nợ lại số tiền 250.487.047 đồng, nhưng hiện tại bà N và ông V không còn chung sống với nhau, nên bà N không có khả năng trả số nợ này. Bà N đồng ý trả số nợ trên cho ông T nhưng khi nào liên lạc được với ông V thì bà N và ông V sẽ trao đổi, bàn phương án trả nợ cho ông T.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 25/6/2025; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Hợp đồng mua bán ngày 02/02/2023 giữa ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N với H1 kinh doanh Tân Thành C, 02 bản đối chiếu công nợ khách hàng, 01 tập ghi nợ mua bán (phô tô); Giấy ủy quyền của ông Nguyễn Minh T cho ông Bùi Quốc H.

Tài liệu bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đồng bị đơn ông Bùi Thanh V được Tòa án triệu tập hợp

lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông V không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Thanh V.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện hợp pháp là ông Bùi Quốc H) với bị đơn ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa. Cụ thể nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện hợp pháp là ông Bùi Quốc H) yêu cầu bị đơn ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N trả tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 11/6/2025 là 250.487.047 đồng và yêu cầu vợ chồng ông V, bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho ông T.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận từ năm 2021 đến năm 2023 vợ chồng bà N, ông V có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản tại Hộ kinh doanh T1 do ông Nguyễn Minh T làm chủ và còn nợ lại số tiền gốc tính đến ngày 30/6/2023 là 209.168.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 11/6/2025 là 41.319.047 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 250.487.047 đồng. Chồng bà N là ông Bùi Thanh V hiện không có mặt ở địa phương, nhưng có nhắn cho bà N nói hẹn với ông T là đến tết âm lịch năm 2025 sẽ trả cho ông T 20.000.000 đồng, sau đó mỗi quý (03 tháng) sẽ trả cho ông T 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Quốc H có ý kiến: Nếu vợ chồng bà N, ông V đồng ý trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán và sẽ tạo điều kiện cho vợ chồng ông V, bà N trả nợ như sau: Đến cuối tháng 9/2025 vợ chồng ông V, bà N phải trả trước 30.000.000 đồng, sau đó mỗi quý (03 tháng) yêu cầu vợ chồng bà N, ông V phải trả 30.000.000 đồng/quý cho đến khi dứt nợ.

Tuy nhiên, bị đơn bà N cho rằng không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét việc bà N thừa nhận trong thời gian từ năm 2021 đến ngày 30/6/2023 có mua vật tư thủy sản tại hộ kinh doanh do ông Nguyễn Minh T làm chủ và còn nợ lại số tiền gốc và lãi (tính đến ngày 11/6/2023) với tổng số tiền là 250.487.047 đồng, đến nay đã hơn 02 năm kể từ khi hai bên ngừng giao dịch nhưng vợ chồng bà N, ông V không thanh toán số nợ trên cho ông T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó nguyên đơn ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N phải trả

tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu là có căn cứ.

Về phần lãi suất: Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là phù hợp theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, do trong hợp đồng mua bán hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, nên mức lãi suất được nguyên đơn áp dụng 0,83%/tháng để tính lãi suất từ ngày giao dịch cuối cùng 18/6/2023 đến ngày 11/6/2025 (23 tháng 24 ngày) với số tiền 41.319.047 đồng là phù hợp. Tại phiên tòa, bị đơn bà N cũng thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/6/2025, tổng cộng 250.487.047 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị đơn ông Bùi Thanh V và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T (chủ hộ Kinh doanh Tân Thành C) số tiền gốc và lãi đến ngày 11/6/2025, tổng cộng 250.487.047 đồng.

Ngoài số tiền trên, thì từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho ông T, vợ chồng ông V, bà N còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền còn phải trả cho ông T.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí là 12.524.352 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.262.000 đồng (sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016318 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Quốc H) với bị đơn ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa.

2. Buộc ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền mua vật tư thủy sản còn thiếu tổng cộng gốc và lãi (tính đến ngày 11/6/2025) là 250.487.047 đồng (hai trăm năm mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngoài số tiền trên, thì từ ngày 12/6/2025 đến khi thanh toán dứt nợ cho ông T, vợ chồng ông V, bà N còn phải trả cho ông T số tiền lãi phát sinh hàng tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng tương ứng với số tiền còn phải thi hành án cho ông T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Bùi Thanh V, bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí là 12.524.352 đồng (mười hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.262.000 đồng (sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016318 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 6 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh